

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài  
chính kết thúc ngày 31/12/2016

*Kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 - 04
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	05 - 06
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 34

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lạng Sơn theo Quyết định số 2438/QĐ – UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900101738 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 04 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.098.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ không trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là phân phối nước sạch.

### 2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
- Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/12/2016
- Nguyễn Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/12/2016
- Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên	
- Nguyễn Thành Vũ	Thành viên	
- Linh Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/12/2016
- Vũ Văn Bình	Thành viên	

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
- Nguyễn Hữu Chung	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2016
- Vũ Văn Bình	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/12/2016
- Nguyễn Văn Quyết	Phó giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/12/2016
- Nguyễn Văn Cảnh	Phó giám đốc	
- Linh Thị Huệ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25/11/2015

Thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
- Lê Văn Thành	Trưởng ban kiểm soát	
- Trương Thị Thu Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/06/2016
- Linh Thị Huệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/06/2016
- Hồ Cảnh Hội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2016
- Đào Duy Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2016

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Ngày 26/01/2017, một phần vốn của nhà nước trong Công ty đã chuyển nhượng cho các nhà đầu tư khác với giá 12.500 đ/cổ phần, cơ cấu vốn chủ sở hữu thay đổi như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
- Công ty CP Sản xuất thương mại và đầu tư Thịnh Phát	9,98%
- Công ty Quốc tế Sơn Hà	20,1%
- Nguyễn Hữu Chung	13,97%
- Vốn ngân sách nhà nước	51%
- Các cổ đông khác	4,95%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

**Thay mặt Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch**



**Nguyễn Văn Quyết**

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 03 năm 2017

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**



**Vũ Văn Bình**

Số: 23 /2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn được lập ngày 22 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Trần Thị Nguyệt**

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0589- 2015-242-1*

**Nguyễn Thị Huế**

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2493-2015-242-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.226.828.280</b>	<b>42.294.928.626</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>16.343.846.030</b>	<b>26.952.806.424</b>
1. Tiền	111		10.030.780.041	16.140.047.498
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.313.065.989	10.812.758.926
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.134.765.994</b>	<b>8.491.184.471</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.464.986.122	3.069.441.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.172.090.784	3.829.389.824
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	690.759.039	1.655.502.773
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(193.069.951)	(63.149.380)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>6.173.128.225</b>	<b>6.335.424.577</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.173.128.225	6.335.424.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>575.088.031</b>	<b>515.513.154</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	136.414.772	106.321.213
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13	413.109.759	401.017.611
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	25.563.500	8.174.330
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>309.939.249.930</b>	<b>151.316.124.379</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	6.000.000	10.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.6	-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>300.560.675.863</b>	<b>138.142.445.586</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	299.387.756.736	137.002.122.219
- Nguyên giá	222		382.459.831.913	208.426.726.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.072.075.177)	(71.424.604.284)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.172.919.127	1.140.323.367
- Nguyên giá	228		2.231.747.523	2.086.747.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.828.396)	(946.424.156)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.9</b>	<b>5.679.431.489</b>	<b>8.658.715.952</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.679.431.489	8.658.715.952
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.693.142.578</b>	<b>4.504.962.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.693.142.578	4.504.962.841
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>339.166.078.210</b>	<b>193.611.053.005</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.511.296.820</b>	<b>52.027.879.400</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.098.197.820</b>	<b>37.763.280.400</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.521.362.236	2.260.268.236
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.503.436.738	4.702.865.085
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.509.712.042	857.479.116
4. Phải trả người lao động	314		6.750.448.610	6.442.873.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	851.348.444	539.063.085
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	20.145.439.467	24.326.326.707
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	400.000.000	50.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.583.549.717)	(1.415.595.259)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.413.099.000</b>	<b>14.264.599.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.11	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.12	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.14	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	8.413.099.000	14.264.599.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>297.654.781.390</b>	<b>141.583.173.605</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	297.654.781.390	141.583.173.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.098.000.000	50.098.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.098.000.000	50.098.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		242.599.661.778	86.443.641.278
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.644.205.272	1.644.205.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.312.914.340	3.397.327.055
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.312.914.340	3.397.327.055
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>339.166.078.210</b>	<b>193.611.053.005</b>

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập



Linh Thị Huệ

Kế toán trưởng



Linh Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	103.084.372.122	96.566.794.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	49.361.127
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>103.084.372.122</b>	<b>96.517.432.951</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	75.433.827.991	72.801.606.951
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>27.650.544.131</b>	<b>23.715.826.000</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	541.366.542	662.373.698
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.358.498.654	1.429.930.444
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.358.498.654	1.429.930.444
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	6.829.557.060	6.462.099.205
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	15.771.930.093	12.306.442.138
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.231.924.866</b>	<b>4.179.727.911</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	90.001.035	63.878.000
12. Chi phí khác	32	6.7	51.477.599	8.605.000
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>38.523.436</b>	<b>55.273.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.270.448.302</b>	<b>4.235.000.911</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	864.384.944	930.288.644
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>3.406.063.358</b>	<b>3.304.712.267</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		679,88	659,65
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 03 năm 2017  
Chủ tịch HĐQT

Người lập

Kế toán trưởng



Linh Thị Huệ



Linh Thị Huệ



Nguyễn Văn Quyết

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND  
Năm trước

Chi tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.751.636.112	105.180.454.285
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(48.267.792.739)	(31.985.766.952)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.479.631.005)	(46.451.433.772)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.358.498.419)	(1.429.930.444)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(940.065.163)	(897.547.231)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.073.512.397	4.602.375.131
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.782.433.743)	(22.589.110.532)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.996.727.440</b>	<b>6.429.040.485</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.982.120.881)	(10.757.693.558)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		541.363.047	584.743.768
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.350.757.834)</b>	<b>(10.172.949.790)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		400.000.000	4.250.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.901.500.000)	(3.724.500.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.753.430.000)	(1.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.254.930.000)</b>	<b>(1.074.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(10.608.960.394)</b>	<b>(4.818.409.305)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>26.952.806.424</b>	<b>31.771.215.729</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>16.343.846.030</b>	<b>26.952.806.424</b>

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập



Linh Thị Huệ

Kế toán trưởng



Linh Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Quyết

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lạng Sơn theo quyết định số 2438/QĐ – UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900101738 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.098.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ, không trăm chín mươi tám triệu đồng*).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là khai thác và phân phối nước sạch.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất và phân phối nước sạch; xây dựng các công trình dân dụng; xây dựng đường ống cấp thoát nước; xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; thiết kế hệ thống cấp thoát nước; theo dõi giám sát thi công hệ thống cấp thoát nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước; sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai; hoạt động vệ sinh môi trường, vệ sinh khai thông cống rãnh, bồn nước, hút cầu hầm; trồng hoa cây cảnh, cây xanh đô thị, lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng (bùn đất, rác thải đô thị); xử lý và tiêu thụ rác thải không độc hại.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quan hệ
Chi nhánh Thoát nước đô thị	Số 81, đường Trần Đăng Ninh – TP Lạng Sơn – Tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty
Chi nhánh Xây lắp điện nước	Số 81, đường Trần Đăng Ninh – TP Lạng Sơn – Tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng Công trình	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty

#### Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

## **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty.

### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

### **4.3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### **4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### **4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

#### **4.8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-40 năm
- Máy móc, thiết bị	05-15 năm
- Phương tiện vận tải	06-30 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

**4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thuê đất;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại được xác định và phân bổ theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**4.10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**4.11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

**4.12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**4.13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là giá trị những tài sản được nhà nước bàn giao theo quyết định bàn giao của UBND tỉnh, được bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

**e) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

**4.17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm của sản phẩm bán ra trong kỳ.

**4.18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**4.19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4.20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**Mẫu số B09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.042.315.747	1.194.904.350
Tiền gửi ngân hàng	8.988.464.294	14.945.143.148
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	6.313.065.989	10.812.758.926
<b>Cộng</b>	<b>16.343.846.030</b>	<b>26.952.806.424</b>

Tại thời điểm 31/12/2016, khoản tiền và tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn với lãi suất 5,75%/năm.

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>2.464.986.122</b>	<b>3.069.441.254</b>
- Sở xây dựng Lạng Sơn (Khối lượng thoát nước đô thị)	-	789.563.000
- Phòng quản lý đô thị (Tiền trồng cây xanh)	117.061.300	25.457.000
- Chi nhánh nước Hữu Lũng - Công ty CP cấp thoát nước Lạng Sơn	455.783.000	307.592.000
- Trung tâm PT quỹ đất TP Lạng sơn	136.726.800	15.392.000
- Nhân dân Đồng Đăng	85.213.251	352.347.534
- UBND Huyện Lộc Bình	-	334.791.000
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Văn Lãng	474.910.000	-
- Phải thu đối tượng khác	1.195.291.771	1.244.298.720
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.172.090.784</b>	<b>3.829.389.824</b>
- Công ty Cổ phần thiết bị xử lý nước SETFIL	1.779.000.000	-
- Công ty Cổ phần tư vấn Phương Đông	1.050.881.000	103.000.000
- Công ty TNHH Hà Sơn	-	3.011.320.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn Song Quang	215.909.960	600.000.000
- Đối tượng khác	126.299.824	115.069.824
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.172.090.784</b>	<b>3.829.389.824</b>

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu khác	185.325.609	-	73.915.575	-
- Tạm ứng	360.238.420	-	1.205.502.940	-
- Phải trả, phải nộp khác	145.195.010	-	376.084.258	-
<b>Cộng</b>	<b>690.759.039</b>	<b>-</b>	<b>1.655.502.773</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	6.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>

**5.5 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.947.804.987	-	2.760.035.218	-
Công cụ, dụng cụ	1.821.470.586	-	843.262.271	-
Chi phí SXKD dở dang	2.401.349.755	-	2.728.024.241	-
Thành phẩm nhập kho	2.502.897	-	4.102.847	-
<b>Cộng</b>	<b>6.173.128.225</b>	<b>-</b>	<b>6.335.424.577</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.6 . NỢ XẤU**

Đơn vị : VND

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu</b>						
Tuyến Phan Huy Chú - Ban Quản lý Thành phố Lạng Sơn	18.630.230	-	(18.630.230)	-	-	-
Công trình UBND phường Tam Thanh	5.118.000	-	(5.118.000)	-	-	-
Hội chữ thập đỏ tỉnh Lạng Sơn	28.013.997	-	(28.013.997)	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Sơn	5.365.244	-	(5.365.244)	-	-	-
Công ty Tây Hồ	5.317.039	-	(5.317.039)	-	-	-
Công ty Vĩnh Hưng	13.157.996	-	(13.157.996)	-	-	-
Khách hàng nước nhỏ lẻ	117.467.445	-	(117.467.445)	63.149.380	-	(63.149.380)
<b>Cộng</b>	<b>193.069.951</b>	<b>-</b>	<b>(193.069.951)</b>	<b>63.149.380</b>	<b>-</b>	<b>(63.149.380)</b>

- Nợ xấu là các khoản công nợ phải thu khó đòi có thời hạn thu hồi quá hạn từ 6 tháng trở lên theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	49.508.750.684	65.010.686.113	85.252.555.808	8.244.060.245	410.673.653	208.426.726.503
Tăng trong năm	8.707.193.724	1.622.534.546	175.017.413.396	70.720.000	386.808.166	185.804.669.832
- Mua trong năm	229.279.091	573.058.182		70.720.000	321.975.455	1.195.032.728
- Đầu tư XD CB hoàn thành	98.398.000	1.049.476.364	16.199.767.818			17.347.642.182
- Tăng khác	8.379.516.633		158.817.645.578		64.832.711	167.261.994.922
Giảm trong năm				6.804.727.612		11.771.564.422
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác		4.966.836.810		6.804.727.612		11.771.564.422
Số dư cuối năm	58.215.944.408	66.633.220.659	260.269.969.204	1.510.052.633	797.481.819	382.459.831.913
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	13.188.303.819	17.345.565.184	36.639.371.667	4.133.254.253	118.109.361	71.424.604.284
Tăng trong năm	2.660.716.224	5.921.389.744	6.396.489.678	98.008.788	76.680.592	15.153.285.026
- Số khấu hao trong năm	2.037.493.630	3.578.112.384	5.875.190.592	98.008.788	58.665.498	11.647.470.893
- Tăng khác	623.222.594	2.343.277.360	521.299.086		18.015.094	3.505.814.133
Giảm trong năm				3.505.814.133		3.505.814.133
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác				3.505.814.133		3.505.814.133
Số dư cuối năm	15.849.020.043	23.266.954.928	43.035.861.345	725.448.908	194.789.953	83.072.075.177
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	36.320.446.865	47.665.120.929	48.613.184.141	4.110.805.992	292.564.292	137.002.122.219
2. Tại ngày cuối năm	42.366.924.365	43.366.265.731	217.234.107.859	784.603.725	602.691.866	299.387.756.736

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**5.8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	140.679.639				1.946.067.884	<b>2.086.747.523</b>
Tăng trong năm	145.000.000					<b>145.000.000</b>
- Mua trong năm	145.000.000					<b>145.000.000</b>
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐSĐT						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	285.679.639				1.946.067.884	<b>2.231.747.523</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	56.601.873				889.822.283	<b>946.424.156</b>
Tăng trong năm	15.361.528				97.042.712	<b>112.404.240</b>
- Số khấu hao trong năm	15.361.528				97.042.712	<b>112.404.240</b>
- Tăng khác						
Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐSĐT						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	71.963.401				986.864.995	<b>1.058.828.396</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	84.077.766				1.056.245.601	<b>1.140.323.367</b>
2. Tại ngày cuối năm	213.716.238				959.202.889	<b>1.172.919.127</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SX KD dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	5.679.431.489	5.679.431.489	8.658.715.952	8.658.715.952
- Công trình Cải tạo nâng cấp tầng 4, trụ sở Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.372.238.084	1.372.238.084	106.336.175	106.336.175
- Tuyến ống đường Hùng Vương, Văn Vi, Đèo Giang	-	-	6.201.803.355	6.201.803.355
- Công trình Quản trị chống thoát nước thành phố Lạng Sơn	2.031.019.834	2.031.019.834	576.809.672	576.809.672
- Công trình tuyến ống D280, 250 mm Lý Thường Kiệt-Cầu Đen	886.583.417	886.583.417	-	-
- Công trình xây dựng cơ bản dở dang khác	1.389.590.154	1.389.590.154	1.773.766.750	1.773.766.750
<b>Cộng</b>	<b>5.679.431.489</b>	<b>5.679.431.489</b>	<b>8.658.715.952</b>	<b>8.658.715.952</b>
<b>5.10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>			<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Ngắn hạn			136.414.772	106.321.213
- Các khoản chi phí trả trước khác			136.414.772	106.321.213
b) Dài hạn			3.693.142.578	4.504.962.841
- Lợi thế thương mại (*)			2.561.433.335	3.201.791.668
- Chi phí thuê đất tại cụm công nghiệp địa phương			711.901.120	728.456.960
- Các khoản khác			419.808.123	574.714.213
<b>Cộng</b>			<b>3.829.557.350</b>	<b>4.611.284.054</b>
(*) Đây là giá trị lợi thế thương mại được xác định lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt. Phân bổ theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính				
<b>5.11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>			<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn (Các đối tượng >10%)	2.521.362.236	2.521.362.236	2.260.268.236	2.260.268.236
Công ty CP thương mại & đầu tư XD Dung Linh	1.671.121.000	1.671.121.000	1.996.924.000	1.996.924.000
Phải trả cho các đối tượng khác	850.241.236	850.241.236	263.344.236	263.344.236
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>2.521.362.236</b>	<b>2.521.362.236</b>	<b>2.260.268.236</b>	<b>2.260.268.236</b>
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
<b>5.12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>			<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn			2.503.436.738	4.702.865.085
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm			120.000.000	-
- Ban quản lý dự án huyện Hữu Lũng			203.840.000	203.840.000
- Di chuyển tuyến ống Huyện Cao Lộc			300.000.000	300.000.000
- Các dự án cấp thoát nước			1.316.366.734	2.394.941.000
- Đối tượng khác			563.230.004	1.804.084.085
b) Người mua trả tiền trước dài hạn			-	-
<b>Cộng</b>			<b>2.503.436.738</b>	<b>4.702.865.085</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

5.13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	-	9.155.247.595	8.509.109.353	646.138.242
- Thuế TNDN	514.703.446	864.384.944	922.231.085	456.857.305
- Thuế tài nguyên	50.909.720	1.133.117.083	1.094.737.158	89.289.645
- Các loại thuế khác	-	13.000.000	13.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	291.865.950	3.705.528.150	3.679.967.250	317.426.850
- Các khoản phải nộp khác				-
<b>Cộng</b>	<b>857.479.116</b>	<b>14.871.277.772</b>	<b>14.219.044.846</b>	<b>1.509.712.042</b>

b) Phải thu				
	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT được khấu trừ	401.017.611	5.507.309.634	5.495.217.486	413.109.759
- Thuế TNDN	-	-	17.834.078	17.834.078
- Thuế TNCN	8.174.330	9.409.750	8.964.842	7.729.422
<b>Cộng</b>	<b>409.191.941</b>	<b>5.516.719.384</b>	<b>5.522.016.406</b>	<b>438.673.259</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Trích trước chi phí di chuyển đường ống nút giao thông số 3 Trần Phú-Cổng thành đội, Bắc Sơn-Thân Thù Quý	-	61.861.818
- Trích trước chi phí đèn đường Hữu Lũng 2015	397.405.409	279.629.091
- Trích trước chi phí kiểm toán	-	85.000.000
- Trích trước chi phí nguyên vật liệu	-	112.572.176
- Trích trước chi phí kiểm toán	85.000.000	-
- Trích trước chi phí nguyên vật liệu	29.153.496	-
- Trích trước phí xét nghiệm mẫu nước quý VI năm 2016	200.352.000	-
- Sửa chữa khắc phục tuyến ống chi nhánh tháng 12 năm 2016	96.541.818	-
- Chi phí mua nước thô tháng 12 năm 2016	42.895.721	-
-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>851.348.444</b>	<b>539.063.085</b>

5.15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC		
	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	138.888.356	75.128.847
- Bảo hiểm xã hội	84.832.356	45.086.316
- Bảo hiểm y tế	20.413.689	12.961.297
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.914.689	3.946.439
- Phải trả, phải nộp khác	19.892.390.377	24.189.203.808
+ Tiền chờ chi trả giải phóng mặt bằng nhà nước cấp dự án Pò Mỏ	18.471.536.801	22.730.627.132
+ Dự án cấp nước thị trấn Na Sầm	223.124.000	223.124.000
+ Dự án cấp nước khu Phi thuế quan	-	509.250.000
+ Dự án cấp nước Nà Nưa, huyện Tràng Định	549.552.000	-
+ Phải trả đối tượng khác	648.177.576	726.202.676
<b>Cộng</b>	<b>20.145.439.467</b>	<b>24.326.326.707</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Vay cá nhân Đặng Minh Tuấn	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Lạng Sơn (**)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn tới hạn trả</b>	<b>5.797.000.000</b>	<b>5.797.000.000</b>	<b>5.797.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lạng Sơn (*)	950.000.000	950.000.000	950.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (**)	4.847.000.000	4.847.000.000	4.847.000.000	-	-	-
<b>c) Vay dài hạn</b>	<b>2.616.099.000</b>	<b>2.616.099.000</b>	<b>-</b>	<b>11.648.500.000</b>	<b>14.264.599.000</b>	<b>14.264.599.000</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Lạng Sơn (*)	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (**)	716.099.000	716.099.000	-	9.432.000.000	10.148.099.000	10.148.099.000
Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt	-	-	-	316.500.000	316.500.000	316.500.000
<b>Cộng</b>	<b>8.813.099.000</b>	<b>8.813.099.000</b>	<b>6.197.000.000</b>	<b>11.698.500.000</b>	<b>14.314.599.000</b>	<b>14.314.599.000</b>

Tài sản thế chấp các khoản vay:

(\*): là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng TDH số 224/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.110700 ngày 05/10/2015.

Số tiền vay: 4.000.000.000 VND

Mục đích vay: Đầu tư công trình cải tạo nâng cấp tuyến ống nước đường Hùng Vương, Văn Vi, Đèo Giang, Trần Quang Khải - thành phố Lạng Sơn

Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên

Tài sản bảo đảm: Thế chấp 01 tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của khách hàng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 091003, số vào sổ cấp GCN: CT - 03317 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 08/10/2015 cho Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn.

(\*\*): là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 05/02/2013.

Số tiền vay: 20.000.000.000 VND

Mục đích vay: Đầu tư dự án Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm (giai đoạn 1)

Lãi suất: 11%/ năm

Tài sản bảo đảm: Công trình xây dựng, hệ thống đường ống dẫn, thiết bị và các hạng mục khác thuộc Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Giá trị: 33.808.174.000 VND. Giấy tờ gốc: Quyết định số 598/QĐ-CTN ngày 25/09/2013 của Giám đốc Công ty CP CTN Lạng Sơn phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn, công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm

(\*\*\*): là khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 121/2016/HDHM-PN/SHB.110700 ngày 15/07/2016.

Số tiền vay theo hạn mức tối đa 1.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Thời hạn vay 12 tháng từ 17/07/2016 đến 15/07/2017.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp 01 xe ô tô Mazda 6 biển số 12C-030.37

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	50.098.000.000	-	109.174.268.410	1.644.205.272	-	2.905.481.366	163.821.955.048
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước						3.304.712.267	3.304.712.267
Tăng khác						1.585.833	1.585.833
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác			22.730.627.132			2.814.452.411	25.545.079.543
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>-</b>	<b>86.443.641.278</b>	<b>1.644.205.272</b>	<b>-</b>	<b>3.397.327.055</b>	<b>141.583.173.605</b>
Tăng vốn trong năm							-
Lãi trong năm						3.406.063.358	3.406.063.358
Tăng khác (*)			156.156.020.500				156.156.020.500
Giảm vốn trong năm							-
Lỗ trong năm							-
Giảm khác (2*)						3.490.476.073	3.490.476.073
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>-</b>	<b>242.599.661.778</b>	<b>1.644.205.272,00</b>	<b>-</b>	<b>3.312.914.340</b>	<b>297.654.781.390</b>

(\*) Vốn khác tăng trong năm là do nhận tài sản chuyển giao quyền quản lý của nhà nước.

(2\*): Chi tiết giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Phân phối lợi nhuận theo công văn của UBND tỉnh 3.397.485.252

- Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm 52.990.821

- Tiền phạt vi phạm HC trong lĩnh vực, thị trường chứng khoán 40.000.000

**Tổng** 3.490.476.073

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm	Đầu năm
<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>			
Vốn góp của nhà nước	95,05%	47.619.000.000	47.619.000.000
Vốn góp của cá nhân	4,95%	2.479.000.000	2.479.000.000
Ông Nguyễn Hữu Chung	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Quyết	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Thành Vũ	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Phùng Đức Toàn	0,20%	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Cảnh	0,20%	100.000.000	100.000.000
Cán bộ nhân viên khác của Công ty	3,95%	1.979.000.000	1.979.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>50.098.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		50.098.000.000	50.098.000.000
- Vốn góp cuối năm		50.098.000.000	50.098.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		3.397.485.252	1.600.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		5.009.800	5.009.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		5.009.800	5.009.800
- Cổ phiếu phổ thông		5.009.800	5.009.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		5.009.800	5.009.800
- Cổ phiếu phổ thông		5.009.800	5.009.800
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
* Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ		5.009.800	5.009.800
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu		679,88	659,65
<b>đ) Cổ tức</b>			
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>			
- Quỹ đầu tư phát triển		1.644.205.272	1.644.205.272
<b>g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.</b>			
<b>5.18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Giá trị tài sản thuê ngoài			
b) Tài sản nhận giữ hộ			
- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận uỷ thác:		1.118.888.164	1.118.888.164
<b>5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH</b>			
<b>6 . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			Đơn vị tính: VND
<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu			
Doanh thu từ thu tiền nước		70.433.621.068	62.523.543.870
Doanh thu lắp đặt		25.884.294.727	28.699.661.017
Doanh thu bán hàng hóa		3.616.044.078	3.042.068.580
Doanh thu cung cấp dịch vụ		3.150.412.249	2.301.520.611
<b>Cộng</b>		<b>103.084.372.122</b>	<b>96.566.794.078</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hàng bán bị trả lại		-	49.361.127
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>49.361.127</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	48.815.839.662	42.377.192.473
Giá vốn phần lắp đặt	23.141.868.127	27.166.574.578
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.370.794.107	1.726.445.541
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.105.326.095	1.531.394.359
<b>Cộng</b>	<b>75.433.827.991</b>	<b>72.801.606.951</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay	541.366.542	662.373.698
<b>Cộng</b>	<b>541.366.542</b>	<b>662.373.698</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền vay	1.358.498.654	1.429.930.444
<b>Cộng</b>	<b>1.358.498.654</b>	<b>1.429.930.444</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
- Các khoản khác	90.001.035	63.878.000
<b>Cộng</b>	<b>90.001.035</b>	<b>63.878.000</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Các khoản khác	51.477.599	8.605.000
<b>Cộng</b>	<b>51.477.599</b>	<b>8.605.000</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	6.053.300.559	5.739.891.591
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	107.781.821	98.127.272
Chi phí bằng tiền khác	668.474.680	624.080.342
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.771.930.093</b>	<b>12.306.442.138</b>
Chi phí nhân viên	7.188.412.462	6.103.703.096
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	1.236.890.228	601.195.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.302.521.501	1.207.772.999
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.302.486.533	603.433.200
Chi phí dự phòng	129.920.571	34.890.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.714.782	433.709.568
Chi phí bằng tiền khác	4.472.984.016	3.321.737.812
<b>Cộng</b>	<b>22.601.487.153</b>	<b>18.768.541.343</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.919.534.828	14.073.827.095
Chi phí nhân công	36.917.290.912	33.735.866.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.604.628.782	11.252.177.667
Chi phí dự phòng	129.920.571	34.890.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.322.319.668	17.691.746.849
Chi phí bằng tiền khác	14.016.465.604	11.832.086.373
<b>Cộng</b>	<b>93.910.160.365</b>	<b>88.620.595.164</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.270.448.302	4.235.000.911
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.476.418	8.605.000
+ Chi phí khác không được trừ	51.476.418	8.605.000
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	4.321.924.720	4.243.605.911
Thu nhập chịu thuế 20%	4.321.924.720	165.232.858
Thu nhập chịu thuế 22%	-	4.078.373.053
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>864.384.944</b>	<b>930.288.644</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 26/01/2017, một phần vốn của nhà nước trong Công ty đã chuyển nhượng cho các nhà đầu tư khác với giá 12.500 đ/cổ phần, cơ cấu vốn chủ sở hữu thay đổi như sau:

Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Sản xuất thương mại và đầu tư Thịnh Phát	9,98%
Công ty Quốc tế Sơn Hà	20,10%
Nguyễn Hữu Chung	13,97%
Vốn ngân sách nhà nước	51%
Các cổ đông khác	4,95%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>

**8.3 . Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**Ngày 31/12/2016**

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>19.499.591.191</b>	<b>6.000.000</b>	<b>19.505.591.191</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.343.846.030		16.343.846.030
Phải thu khách hàng	2.464.986.122		2.464.986.122
Phải thu khác	690.759.039	6.000.000	696.759.039
<b>Trừ:</b>	<b>193.069.951</b>	<b>-</b>	<b>193.069.951</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	193.069.951		193.069.951
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.306.521.240</b>	<b>6.000.000</b>	<b>19.312.521.240</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Các khoản vay và nợ	400.000.000	2.616.099.000	3.016.099.000
Phải trả người bán	2.521.362.236		2.521.362.236
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	20.996.787.911		20.996.787.911
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.918.150.147</b>	<b>2.616.099.000</b>	<b>26.534.249.147</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(4.611.628.907)</b>	<b>(2.610.099.000)</b>	<b>(7.221.727.907)</b>

**Ngày 01/01/2016**

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>31.677.750.451</b>	<b>10.000.000</b>	<b>31.687.750.451</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.952.806.424		26.952.806.424
Phải thu khách hàng	3.069.441.254		3.069.441.254
Phải thu khác	1.655.502.773	10.000.000	1.665.502.773
<b>Trừ:</b>	<b>63.149.380</b>	<b>-</b>	<b>63.149.380</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	63.149.380		63.149.380
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.614.601.071</b>	<b>10.000.000</b>	<b>31.624.601.071</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Các khoản vay và nợ	50.000.000	14.264.599.000	14.314.599.000
Phải trả người bán	2.260.268.236		2.260.268.236
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	24.865.389.792		24.865.389.792
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.175.658.028</b>	<b>14.264.599.000</b>	<b>41.440.257.028</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.438.943.043</b>	<b>(14.254.599.000)</b>	<b>(9.815.655.957)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**Mẫu số B09 - DN****(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.155.745.161	4.724.944.027	3.155.745.161	4.724.944.027
Tài sản tài chính khác				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.343.846.030	26.952.806.424	16.343.846.030	26.952.806.424
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.499.591.191</b>	<b>31.677.750.451</b>	<b>19.499.591.191</b>	<b>31.677.750.451</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	8.813.099.000	14.314.599.000	8.813.099.000	14.314.599.000
Phải trả người bán	2.521.362.236	2.260.268.236	2.521.362.236	2.260.268.236
Phải trả khác	20.145.439.467	24.326.326.707	20.145.439.467	20.145.439.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.479.900.703</b>	<b>40.901.193.943</b>	<b>31.479.900.703</b>	<b>36.720.306.703</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**8.4. Báo cáo bộ phận****8.4.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính : VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Kinh doanh nước sạch	Xây lắp	Hàng hoá, dịch vụ	TỔNG CỘNG
Doanh thu	70.433.621.068	25.884.294.727	6.766.456.327	<b>103.084.372.122</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu				-
Giá vốn hàng bán	48.815.839.662	23.141.868.127	3.476.120.202	<b>103.084.372.122</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>21.617.781.406</b>	<b>2.742.426.600</b>	<b>3.290.336.125</b>	<b>27.650.544.131</b>

**8.4.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thu nhập trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT - Miễn nhiệm ngày 01/12/2016	346.500.000
Nguyễn Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm 01/12/2016	327.180.000
Vũ Văn Bình	Thành viên HĐQT - Giám Đốc	322.560.000
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên Hội đồng Quản trị - PGĐ	322.560.000
Linh Thị Huệ	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	322.560.000
Lê Văn Thanh	Trưởng ban KS - TP TC-HC	36.000.000
Trương Thị Thu Hải	Thành viên BKS - Miễn nhiệm ngày 10/06/2016	268.800.000
Hồ Cảnh Hội	Thành viên BKS - Bổ nhiệm ngày 10/06/2016	17.500.000
Đào Duy Hưng	Thành viên BKS - Bổ nhiệm ngày 10/06/2017	17.500.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.981.160.000</b>

**8.6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Linh Thị Huệ

Kế toán trưởng



Linh Thị Huệ

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch HĐQT


  
 Nguyễn Văn Quyết